

Bản án số: 25/2019/HS-ST

Ngày: 10-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải và ông Trịnh Ngọc Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39/2019/HSST ngày 12 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Minh H (Tên gọi khác: Đ) – sinh năm 1987, tại Đồng Nai (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 2, xã P.L, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn N (Đã chết) và bà Hồ Thị L – sinh năm 1956; Chưa có vợ, con.

Tiền án: Có 02 (Hai) tiền án. Ngày 22/3/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xử phạt mức án 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 09/2016/HSST; ngày 14/6/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xử phạt mức án 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 39/2018/HS-ST.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 26/4/2012, bị Ủy ban nhân dân huyện T.P áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh với thời gian chấp hành 24 (hai mươi bốn) tháng theo Quyết định số 3389/QĐ.UBND ngày 23/12/2011.

Bị bắt tạm giam từ ngày 27/02/2019.

- Bị hại: Bà **Nguyễn Thị B** – sinh năm 1955 (Có đơn đề nghị vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã P.L, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Đương Thị Thu H** – sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã P.L, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng:* Ông **Nguyễn Văn T** – sinh năm 1960 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 1, xã P.L, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 00 ngày 12/01/2019, khi đi bộ về nhà ngang qua đường bê tông liên ấp 2 – 4 khu vực gần chân đồi 13 thuộc ấp 4, xã P.L, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai, Lê Minh H nhìn thấy 01 (Một) chiếc xe mô tô hiệu Max màu đỏ, biển số 60AC-003.46 của bà Nguyễn Thị B đang dựng trên đường. Quan sát thấy chiếc xe trên không có người trông coi, H nảy sinh ý định trộm cắp xe để bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. H dẫn bộ xe mô tô được khoảng 20m thì dùng tay rút dây điện, nổ máy, điều khiển xe về Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó H bán xe cho người thu mua ve chai (tại tiệm mua bán ve chai không có tên ở khu vực ngã tư cầu vượt A.S) với giá 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) và đã mua ma túy sử dụng, tiêu xài cá nhân hết số tiền này. Quá trình điều tra, H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Theo Kết luận định giá tài sản số 14/KL.HĐĐGTS ngày 18/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T.P: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Max, biển số 60A-003.46, số máy 002689, số khung 1002689 đã qua sử dụng, có giá thị trường đã trích khấu hao là 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Theo Cáo trạng số 30/CT-VKSTP-ĐN ngày 10/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú đã truy tố bị cáo Lê Minh H về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Minh H mức án từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 2.200.000đ là giá trị tài sản thiệt hại. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản, đồng ý với tội danh, mức hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố, đề nghị. Tuy nhiên, về mức hình phạt là có hơi nghiêm khắc so với hành vi của bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T.P, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú: Trong

quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ như Kết luận định giá tài sản, Biên bản bắt bị can để tạm giam, Biên bản xác minh hiện trường, Sơ đồ hiện trường... Như vậy, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Vào khoảng 10 giờ 00 ngày 12/01/2019, tại ấp 4, xã P.L, huyện T.P, Lê Minh H đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 (Một) chiếc xe mô tô hiệu Max màu đỏ, biển số 60AC-003.46 trị giá 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng) của bà Nguyễn Thị B, để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng.

Hành vi của Lê Minh H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lê Minh H có 02 (Hai) tiền án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Tuy nhiên, đối với tình tiết tiền án về tội trộm cắp tài sản theo bản án số 09/2016/HSST ngày 22/3/2016 là dấu hiệu định tội của bản án số 39/2018/HS-ST ngày 14/6/2018, nên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết “tái phạm nguy hiểm” (định khung hình phạt) mà chỉ áp dụng tình tiết “tái phạm” là tình tiết tăng nặng đối với bị cáo theo quy định tại điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 52 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo. Tình tiết giảm nhẹ của bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu. Ngày 26/4/2012, bị cáo bị Ủy ban nhân dân huyện T.P áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh với thời gian chấp hành 24 (Hai mươi bốn) tháng theo Quyết định số 3389/QĐ.UBND ngày 23/12/2011. Bị cáo đã chấp hành xong ngày 26/4/2014.

[6] Căn cứ quyết định hình phạt:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương.

Bị cáo là người đã thành niên nhận thức đầy đủ được hành vi của mình, còn trẻ nhưng do nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, lười lao động mà lại mong muốn có tiền tiêu xài thỏa mãn cho nhu cầu bản thân nên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, với lỗi cố ý. Bị cáo có tình tiết tăng nặng là “tái phạm” với 02 (Hai)

tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” và chưa được xóa án tích; nhưng sau khi chấp hành án xong, bị cáo không nhận thấy đó là bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội, cũng với hành vi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân, thể hiện sự liều lĩnh, bất chấp và thái độ xem thường pháp luật của Nhà nước, đã gây bức xúc trong dư luận xã hội. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng sau khi chấp hành xong vẫn còn tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ dài để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và đảm bảo công tác phòng ngừa tội phạm tại địa phương.

Tuy nhiên, do bị cáo có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo pháp luật của Nhà nước.

[7] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, đồng thời xem xét bị cáo không có nghề nghiệp nên không có thu nhập, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về biện pháp tư pháp:

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị B là người quản lý, sử dụng hợp pháp đối với chiếc xe mô tô hiệu Max màu đỏ, biển số 60AC-003.46 (do chị Dương Thị Thu H là con ruột bà B đứng tên chủ sở hữu), có yêu cầu bồi thường giá trị tài sản thiệt hại là 2.200.000đ. Chị H không yêu cầu bồi thường thiệt hại và không có ý kiến, yêu cầu gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho bà B số tiền 2.200.000đ, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô hiệu Max màu đỏ, biển số 60AC-003.46 hiện chưa thu hồi được, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T.P đã ban hành Thông báo Truy tìm vật chứng số 130/CV(CQĐT) ngày 20/3/2019, khi nào có kết quả xử lý sau.

[9] Các vấn đề khác: Đối với nội dung bị cáo khai về người mua ve chai (tại tiệm mua bán ve chai không có tên ở khu vực ngã tư cầu vượt A.S) có hành vi mua xe mô tô là tài sản do bị cáo phạm tội mà có, nhưng hiện nay chưa rõ nhân thân lai lịch nên chưa xác minh làm rõ được. Vì vậy, vấn đề này sẽ được điều tra làm rõ, xử lý sau.

[9] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về trách nhiệm dân sự.

[10] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 52; Điều 53 Bộ luật Hình sự;

- Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 106, Khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Minh H (Tên gọi khác: Đ) phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Minh H 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27 tháng 02 năm 2019.

2. Các biện pháp tư pháp:

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bà Nguyễn Thị B số tiền 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Bị cáo Lê Minh H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND huyện Tân Phú;
- Công an huyện T.P;
- Chi cục THA dân sự huyện T.P;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Tùng